

Kiên Giang, ngày 21 tháng 02 năm 2017

Số: 26 /BC-BCĐ

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 và kế hoạch năm 2017

Căn cứ kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 của các sở, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) báo cáo kết quả thực hiện như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2016

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành quản lý

Tổ chức khảo sát thẩm định đánh giá kết quả thực hiện 19 tiêu chí nông thôn mới 13 xã: Mỹ Lâm (Hòn Đất); Thạnh Yên (U Minh Thượng); Thuận Yên (Hà Tiên); Thanh Hưng, Thanh Lộc, Hòa Thuận, Hòa An (Giồng Riềng); Mong Thọ (Châu Thành); Tân Thuận (Vĩnh Thuận); Vĩnh Tuy, Vĩnh Phước A (Gò Quao); Tân Thành, Thạnh Trị (Tân Hiệp). Kết quả UBND tỉnh quyết định công nhận 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Thanh Yên, Thanh Lộc, Thanh Hưng, Hòa An), 09 xã còn lại đang hoàn tất hồ sơ trình Hội đồng thẩm định tỉnh xét công nhận.

Tổ chức Lễ công bố 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới: Dương Hòa (Kiên Lương); Định An, Vĩnh Hòa Hưng Nam (Gò Quao); Ngọc Chúc, Hòa Lợi (Giồng Riềng); Cửa Cạn (Phú Quốc); Thạnh Yên (U Minh Thượng); Thanh Hưng, Thanh Lộc, Hòa An (Giồng Riềng) và công bố huyện Tân Hiệp đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015. Khen thưởng cho 20 cá nhân và 12 tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Triển khai Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Xây dựng kế hoạch 05 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh. Báo cáo việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015 gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp cho Đoàn giám sát Quốc hội.

Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nguồn vốn được phân bổ cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn một số huyện, thị xã.

Tham mưu UBND tỉnh dự thảo Báo cáo tổng kết 5 năm và Kết luận của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 27/02/2013 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020.

2. Công tác tập huấn, tuyên truyền

Tập trung chỉ đạo tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia mua bảo hiểm y tế, góp công lao động, tiền, hiến đất xây dựng cầu, lộ giao thông nông thôn; làm hàng rào, cột cờ, dọn vệ sinh, hố rác gia đình, chỉnh trang nhà cửa, nhà vệ sinh, nhà tắm...

Tuyên truyền chuyên mục xây dựng nông thôn mới hàng tuần trên Báo Kiên Giang, Báo Nông nghiệp Việt Nam, hàng tháng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh. Lắp đặt 198 pano trên địa bàn các xã, huyện. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức 15 cuộc thi hái hoa dân chủ tìm hiểu về xây dựng nông thôn mới. Hội Nông dân tỉnh tổ chức 4 cuộc hội thi “Nông dân Kiên Giang tham gia xây dựng nông thôn mới”; Tỉnh đoàn tổ chức 10 lớp tuyên truyền các nội dung xây dựng nông thôn mới cho trên 400 đoàn viên thanh niên. Ngoài ra, các cấp tổ chức tuyên truyền lồng ghép vào các cuộc họp Chi bộ, Tổ Nhân dân tự quản (NDTQ), các chi hội đoàn thể và thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri...

Các hoạt động tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tạo sự đồng thuận của nhân dân và cả hệ thống chính trị về Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3. Công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn

Nguồn vốn Trung ương năm 2016 là 90,6 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển 14,5 tỷ đồng, vốn trái phiếu Chính phủ 56 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 20,1 tỷ đồng. Nội dung ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho giao thông, thủy lợi nội đồng, điện, y tế, trường học, môi trường, hỗ trợ sản xuất, tuyên truyền, tập huấn cán bộ. Kết quả như sau:

- Vốn đầu tư phát triển: Phân bổ cho 14 xã đặc biệt khó khăn, biên giới bãi ngang ven biển, đến nay đã giải ngân được 10,9/14,5 tỷ đồng (đạt 75,5%).

- Vốn trái phiếu Chính phủ: Phân bổ cho 94 xã (14 xã đặc biệt khó khăn, 15 xã đạt 15 tiêu chí trở lên, 65 xã dưới 15 tiêu chí), đến nay đã giải ngân được 31,7/56 tỷ đồng (đạt 56,6%).

- Vốn sự nghiệp: 20,1 tỷ đồng đã giải ngân được 17,1 tỷ đồng đạt 84,9%

- + Phân bổ cho 23 xã hỗ trợ 40 mô hình sản xuất trồng trọt chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, đến nay đã giải ngân được 10,8/13,8 tỷ đồng (đạt 33%).

- + Tuyên truyền: Lắp đặt pano, cuộc thi, các lớp tuyên truyền, đến nay đã giải ngân được 4,35 tỷ đồng (đạt 100%).

+ Tập huấn, bồi dưỡng: Tổ chức 22 lớp tập huấn nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới có 1.500 cán bộ các cấp tham gia, giải ngân 1,6 tỷ đồng (đạt 100%).

+ Chi phí quản lý điều hành: 350 triệu chi cho công tác kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kinh phí cho các thành viên Ban Chỉ đạo, đến nay đã giải ngân 100%.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

Hệ thống giao thông nông thôn: Khối lượng thực hiện đạt 138,47/328km, đạt 42,22%. Riêng nguồn vốn theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ là 120 tỷ đồng được phân bổ theo Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của UBND tỉnh, các địa phương đang phân khai danh mục công trình. Đến nay, toàn tỉnh có 83 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông (đạt 70%).

Hệ thống Điện: Nguồn vốn địa phương cấp năm 2016 là 28 tỷ đồng đầu tư phát triển lưới điện phục vụ ánh sáng sinh hoạt và sản xuất, đến nay đã giải ngân được 27 tỷ/28 tỷ đồng đầu tư xây dựng 09 công trình, gồm đường dây trung thế 34,61 km, đường dây hạ thế 75,33 km, tổng dung lượng trạm biến áp 1.675 KVA, các công trình đã nghiệm thu đưa vào sử dụng phục vụ cấp điện cho 1.274 hộ dân. Đầu tư cho 47 công trình phát triển lưới điện phục vụ bơm tát, đã giải ngân được 36,9 tỷ đồng với khối lượng đường dây trung thế 54,56 km, đường dây hạ thế 21,51 km; tổng dung lượng trạm biến áp 15.115 kVA cấp điện cho 18 Hợp tác xã (HTX), 113 Tổ hợp tác (THT); diện tích bơm tát 14.238 ha; đến nay đã hoàn thành 22 công trình, 14 công trình đang thi công, 11 công trình đang đấu thầu. Có 102 xã đạt tiêu chí 4 về Điện, đạt 86%.

Giáo dục - Đào tạo: Đã giải ngân 175.845 triệu đồng/187.070 triệu đồng, đạt 94% so với tổng vốn xây dựng cơ bản năm 2016. Đã triển khai xây mới 496 phòng, nâng tổng số phòng học kiên cố hiện có là 10.198 phòng. Toàn tỉnh hiện có 195/664 trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 28,8% (kế hoạch 30%). Có 65 xã đạt tiêu chí số 5 về Trường học (đạt 55%), 111 xã đạt tiêu chí 14 về Giáo dục (đạt 94%).

2. Về phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập

Nguồn vốn sự nghiệp Trung ương hỗ trợ sản xuất năm 2016 đã triển khai ở 23 xã thuộc 8 huyện, với tổng kinh phí là 13,8 tỷ đồng (Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của UBND tỉnh). Đến nay đã triển khai 40 mô hình sản xuất (gồm: 20 mô hình trồng lúa cánh đồng lớn, 7 mô hình nuôi heo, 3 mô hình trồng hồ tiêu, 02 mô hình trồng khóm, 01 mô hình nuôi cá lóc, 7 mô hình nuôi gà theo hướng an toàn sinh học). Kết quả các mô hình hỗ trợ sản xuất đạt nhiều kết quả nâng cao thu nhập cho người dân, điển hình như mô hình sản xuất lúa theo hướng cánh đồng lớn đã giúp hộ nông dân giảm chi phí sản xuất từ 10-15% (trong đó chủ yếu giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật từ 15-20%), năng suất tăng bình quân từ 0,3 tấn/ha, lợi nhuận tăng từ 15-20%; các loại mô hình khác đang trong giai đoạn phát triển tốt.

Về cơ giới hóa trong nông nghiệp: Có 98% diện tích lúa làm đất bằng cơ giới, 30% khâu gieo sạ, 60% diện tích lúa thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp, 50% sản lượng lúa sấy khô bằng máy, 100% diện tích lúa bơm tưới bằng máy, trong đó bơm điện khoảng 20%.

Về kinh tế tập thể: Thành lập mới 32 HTX, giải thể 09 HTX, toàn tỉnh hiện nay có 241 HTX về nông nghiệp (trong đó: 218 HTX nông nghiệp, 19 HTX nuôi trồng thủy sản, 4 HTX tiểu thủ công nghiệp) với 23.770 thành viên tham gia, tổng số vốn điều lệ là 26.860 triệu đồng và diện tích sản xuất là 45.462 ha. Thành lập mới 29 Tổ hợp tác, nâng tổng số THT toàn tỉnh 2.239 tổ với 53.551 tổ viên tham gia, diện tích sản xuất là 76.003,78 ha và tổng vốn góp là 9.246,94 triệu đồng. Tổng số trang trại toàn tỉnh đến nay có 625 trang trại (trong đó: 566 trang trại trồng trọt, chiếm 90,56%). Tổng số lao động tại trang trại là 10.652 lao động, tổng giá trị sản phẩm và dịch vụ thu được từ các trang trại là 777,05 tỷ đồng.

Về đào tạo nghề, giải quyết việc làm: các cơ sở đào tạo trong tỉnh tổ chức dạy nghề cho 25.480/28.000 người đạt 91% so với kế hoạch (trong đó Cao đẳng 385 người, Trung cấp nghề 1.482 người, Sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng 23.613 người). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45% (tăng 2% so với cùng kỳ năm 2015). Giải quyết việc làm cho 34.821/33.000 lượt người đạt 105,5% kế hoạch (trong đó: trong tỉnh 16.562 lượt lao động, ngoài tỉnh 18.167 lượt lao động, xuất khẩu 92 lao động). Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 9,78% xuống còn 8,41%.

Qua các mô hình sản xuất tiên tiến, các hình thức tổ chức phù hợp, công tác đào tạo, giải quyết việc làm kịp thời đã góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, đến nay có 105/118 xã đạt tiêu chí thu nhập và 58/118 xã đạt tiêu chí hộ nghèo (theo chuẩn nghèo mới).

3. Về xây dựng đời sống văn hóa, môi trường

Các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, tuyên truyền cổ động phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng được tổ chức trọng thể, rộng khắp, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả. Nhiều hoạt động hướng về cơ sở, chú trọng đến vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác quản lý tổ chức lễ hội và các hoạt động văn hóa, dịch vụ hóa trên địa bàn. Hoạt động thể dục, thể thao được đẩy mạnh, thể thao thành tích cao có bước tiến bộ, thể thao quần chúng có bước phát triển, kết quả đến nay có 55/118 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa và 107/118 xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa.

Công tác thông tin, truyền thông được tăng cường, tích cực tuyên truyền thực hiện các cuộc vận động nhân các ngày lễ, kỷ niệm, các sự kiện quan trọng của tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra đảm bảo thông tin liên lạc ổn định và thông suốt. Triển khai thực hiện công tác kiểm tra điểm truy cập internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử, đến nay có 116/118 xã đạt tiêu chí số 8 về bưu điện.

Công tác quản lý tài nguyên, môi trường được quan tâm thực hiện; tiếp tục chỉ đạo xử lý các điểm gây ô nhiễm môi trường; tích cực triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, cải thiện môi trường. Kết quả đến nay toàn tỉnh có 48/118 xã đạt tiêu chí 17 về môi trường.

Ngành y tế chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan chức năng và các địa phương tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, khống chế các dịch bệnh; tuyên truyền vận động người dân tham gia mua bảo hiểm y tế hộ gia đình, đến nay có 86/118 xã đạt tiêu chí 15 về y tế.

4. Về xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh

Đảng ủy, UBND các xã đều có nghị quyết, kế hoạch xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và đảm bảo an ninh trật tự, đến nay có 101/118 xã đạt tiêu chí 19 về an ninh trật tự (do theo quy định của Bộ Công an chỉ đánh giá phân loại cuối năm, vì vậy số liệu này là kết quả cuối năm 2015).

Công tác đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ xã ấp được quan tâm, cán bộ xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc, lũy kế đến nay toàn tỉnh có 87/118 xã đạt tiêu chí 18 về hệ thống chính trị.

Công tác cải tiến thủ tục hành chính đạt kết quả khá tốt, góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các lực lượng chức năng đã duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, nắm tình hình, quản lý địa bàn, giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh.

5. Đánh giá chung theo Bộ tiêu chí (kèm theo phụ lục)

Toàn tỉnh bình quân đạt 14,6 tiêu chí/xã (tăng 1,1 tiêu chí/xã so với cuối năm 2015), xã đạt thấp nhất 6 tiêu chí, các tiêu chí đạt còn thấp như: tiêu chí 17 môi trường, tiêu chí 6 về cơ sở vật chất văn hóa, tiêu chí 11 về hộ nghèo.

Kết quả thực hiện 19 tiêu chí trong 118 xã như sau:

- Đạt 19 tiêu chí: 36 xã, chiếm 30,5% (trong đó, có 28 xã đã công nhận và 8 xã đang xét)

- Đạt 15-18 tiêu chí: 17 xã, chiếm 14,4%

- Đạt 10-14 tiêu chí: 61 xã, chiếm 51,7 %

- Đạt 6 – 9 tiêu chí: 4 xã, chiếm 3,4%

Trong đó 35 xã điểm đạt:

- Số xã đạt 19 tiêu chí: 25 xã, chiếm 71,4%

- Số xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí: 5 xã, chiếm 14,3 %

- Số xã đạt từ 10 – 14 tiêu chí: 5 xã, chiếm 14,3%

III. NHẬN XÉT CHUNG

1. Thuận lợi

Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể các cấp đã chủ động hơn trong xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Sự phối hợp tương đối đồng bộ của bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp đã tạo thuận lợi cho công tác tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện chương trình kịp thời tốt hơn.

Đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn ngày càng được cải thiện, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, hoàn thiện, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn được đảm bảo.

2. Khó khăn, tồn tại

Một số tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa, trường học, môi trường đạt thấp do nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, riêng tiêu chí hộ nghèo có tỷ lệ xã đạt thấp và giảm là do được đánh giá theo tiêu chuẩn nghèo mới. Bộ mặt nông thôn và đời sống của một bộ phận dân cư ở vùng sâu vùng xa, bãi ngang ven biển, biên giới hải đảo chậm đổi mới và còn khó khăn. Nhiều xã mới tập trung chủ yếu cho phát triển cơ sở hạ tầng, chưa quan tâm chỉ đạo các nội dung về phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường.

Sản xuất có chuyển biến nhưng chưa đồng bộ, liên kết tiêu thụ sản phẩm chưa nhiều, hiệu quả liên kết “4 nhà” chưa cao, tiêu chí thu nhập và giảm nghèo thiếu bền vững. Môi trường nông thôn bị ô nhiễm có chiều hướng gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân, đến nay mới có 33% số xã đạt tiêu chí môi trường.

Chất lượng gia đình văn hóa chưa đảm bảo thực chất. Một số tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu vẫn chưa có xu hướng giảm. Dịch vụ viễn thông, bưu chính còn hạn chế, một số bưu điện xã hoạt động cầm chừng.

Vốn đầu tư thực hiện chương trình còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mục tiêu đề ra. Cơ chế triển khai còn lúng túng, chưa có sự hướng dẫn của Trung ương.

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2017

1. Mục tiêu

Phấn đấu có thêm 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đến cuối năm 2017 toàn tỉnh có 39 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 33%), các xã còn lại nâng lên ít nhất từ 1-2 tiêu chí. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1-1,5% (xã đặc biệt khó khăn 2%); thu nhập bình quân đạt 36,6 triệu đồng/người; giải quyết việc làm cho 35.000 lao động; đào tạo nghề cho 25.000 lao động, nâng tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 46,5%.

2. Nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp


Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo, Văn phòng Điều phối chương trình nông thôn mới các cấp.

Tổ chức khảo sát thẩm định 19 tiêu chí nông thôn mới tại các xã đăng ký hoàn thành xã nông thôn mới năm 2017. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nguồn vốn được phân bổ. Tham mưu rà soát, xây dựng kế hoạch vốn cho 33 xã đăng ký hoàn thành xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Rà soát, điều chỉnh bổ sung nâng cao chất lượng quy hoạch, đề án xã nông thôn mới phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, bảo đảm quy hoạch cấp xã phù hợp quy hoạch của huyện và tỉnh.

Chú trọng thực hiện nội dung phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gắn với xóa đói giảm nghèo bền vững. Ưu tiên thực hiện điện khí hóa, cơ giới hóa, hợp tác hóa; áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông lâm ngư nghiệp. Phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã, các hình thức liên kết, hợp tác gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ theo hướng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo phát triển hàng hoá bền vững, hiệu quả, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn. Tạo cơ chế chính sách thuận lợi thu hút các doanh nghiệp đầu tư về nông thôn, tham gia xây dựng nông thôn mới.

Quan tâm chỉ đạo tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ nhân dân thực hiện các nội dung về phát triển văn hóa xã hội, môi trường, đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn. Xây dựng các phong trào văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng; phát huy các truyền thống văn hóa tốt đẹp, tình làng nghĩa xóm; xây dựng ấp văn hoá, xã văn hóa, bảo vệ môi trường nông thôn xanh sạch đẹp.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016 và nội dung kế hoạch năm 2017 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kiên Giang. / 

Nơi nhận:

- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT.Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- LĐVP, P.KTCN, P.TH;
- Lưu: VT, cvquoc (01b).



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Mai Văn Huỳnh


BANG TONG HOP 1 (Đính kèm)

1	2
3	4

ng Chiếu

QH GT

(Đính kèm Báo cáo số 26 /BC-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh)

Stt	Địa phương		Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú	
			Chi tiêu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18			19
			QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	Chợ	BĐ	Nhà ở	TN	HN	LĐ	TC SX	GD	YT	VH	MT	HT CT	AN TT			
I	Tp Rạch Giá (1)																							
1	Xã Phi Thông		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
II	Thị xã Hà Tiên(1)																							
2	Xã Mỹ Đức		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
III	Huyện Giang Thành (1)																							
3	Xã Vĩnh Điều		X		X	X	X	X	X			X		X	X	X	X						12	
IV	Huyện Kiên Lương (2)																							
4	Xã Hòa Điền		X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	15		
5	Xã Dương Hòa		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
V	Huyện Hòn Đất (3)																							
6	Xã Mỹ Lâm		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đang xét
7	Xã Sơn Kiên		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
8	Xã Thổ Sơn		X		X	X				X		X		X	X	X	X	X		X	X	12		
VI	Huyện Kiên Hải (1)																							
9	Xã Lại Sơn		X	X	X	X	X			X		X	X	X	X	X	X	X			X	14		
VII	Huyện Phú Quốc (1)																							
10	Xã Cửa Cạn		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
VIII	Huyện Tân Hiệp (8)																							
11	Xã Tân Hiệp A		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
12	Xã Thạnh Đông A		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
13	Xã Tân Hiệp B		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
14	Xã Tân Hòa		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
15	Xã Tân An		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
16	Xã Tân Hội		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
17	Xã Thạnh Đông B		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
18	Xã Thạnh Đông		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
IX	Huyện Châu Thành (2)																							
19	Xã Mong Thọ A		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
20	Xã Mong Thọ B		X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X	15		
X	Huyện Giồng Riềng (4)																							
21	Xã Hòa Hưng		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận

[illegible]

BẢNG TỔNG HỢP 19 TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI TẠI 118 XÃ ĐẾN 31 THÁNG 12 NĂM 2016

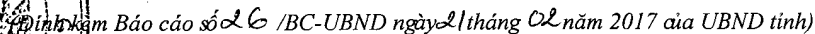
(Đính kèm Báo cáo số 26 /BC-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh)

Stt	Địa phương/Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	Chợ	BD	Nhà ở	TN	HN	LĐ	TC SX	GD	YT	VH	MT	HT CT	AN TT		
I	TP Rạch Giá (1)																					
1	Xã Phi Thông	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
II	Thị xã Hà Tiên(3)																					
2	Xã Mỹ Đức	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
3	Xã Tiên Hải	X	X	X		X			X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	14	
4	Xã Thuận Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đang xét
III	Huyện Giang Thành (5)																					
5	Xã Vĩnh Điều	X		X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X					12	
6	Xã Vĩnh Phú	X		X	X	X		X	X		X		X	X	X	X					11	
7	Xã Tân Khánh Hòa	X		X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X				X	13	
8	Xã Phú Lợi	X		X	X	X		X	X		X		X				X			X	10	
9	Xã Phú Mỹ	X	X	X	X	X		X	X		X		X			X					10	
IV	Huyện Kiên Lương (7)																					
10	Xã Kiên Bình	X		X	X	X			X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	14	
11	Xã Hòa Điền	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	15	
12	Xã Bình Trị	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	15	
13	Xã Bình An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
14	Xã Dương Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
15	Xã Hòn Nghệ	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	16	
16	Xã Sơn Hải	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X			X	X		X	X	15	
V	Huyện Hòn Đất (12)																					
17	Xã Mỹ Lâm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đang xét
18	Xã Sơn Kiên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
19	Xã Thổ Sơn	X		X	X				X		X		X	X	X	X	X		X	X	12	
20	Xã Bình Sơn	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X		X		X		13	
21	Xã Bình Giang	X		X		X		X	X	X	X		X	X	X	X	X		X		13	
22	Xã Mỹ Thái	X		X	X	X			X		X	X	X	X	X		X		X	X	13	
23	Xã Nam Thái Sơn	X	X	X	X			X	X	X	X		X		X		X		X	X	13	
24	Xã Mỹ Hiệp Sơn	X			X			X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	13	
25	Xã Sơn Bình	X		X							X	X	X	X	X		X		X	X	10	
26	Xã Mỹ Thuận	X	X		X	X			X	X	X		X	X	X		X		X	X	13	

Stt	Địa phương/Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	Chợ	BD	Nhà ở	TN	HN	LD	TC SX	GD	YT	VH	MT	HT CT	AN TT		
27	Xã Linh Huỳnh	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	14	
28	Xã Mỹ Phước	X		X	X	X			X		X	X	X	X	X		X		X	X	13	
VI	Huyện Kiên Hải (4)																					
29	Xã Hòn Tre	X	X	X	X			X	X		X	X	X	X	X	X	X			X	14	
30	Xã Lại Sơn	X	X	X	X	X			X		X	X	X	X	X	X	X			X	14	
31	Xã An Sơn	X	X	X	X				X		X	X	X	X	X	X				X	12	
32	Xã Nam Du	X	X	X	X				X		X	X	X	X	X	X				X	12	
VII	Huyện Phú Quốc (8)																					
33	Xã Cửa Cạn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
34	Xã Cửa Dương	X		X	X				X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	13	
35	Xã Dương Tơ	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	15	
36	Xã Hàm Ninh	X		X	X				X	X	X	X	X	X			X			X	11	
37	Xã Gành Dầu	X	X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X			X		13	
38	Xã Hòn Thơm	X	X	X	X				X		X	X	X	X						X	10	
39	Xã Bãi Thơm	X		X					X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	13	
40	Xã Thổ Châu	X	X	X	X				X	X			X		X	X	X				10	
VIII	Huyện Tân Hiệp (10)																					
41	Xã Tân Hiệp A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
42	Xã Thạnh Đông A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
43	Xã Tân Hiệp B	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
44	Xã Tân Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
45	Xã Tân An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
46	Xã Tân Hội	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
47	Xã Thạnh Đông B	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
48	Xã Thạnh Đông	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
49	Xã Thạnh Trị	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	18	Đang xét
50	Xã Tân Thành	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đang xét
IX	Huyện Châu Thành (9)																					
51	Xã Mong Thọ A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
52	Xã Mong Thọ B	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X	15	
53	Xã Mong Thọ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đang xét
54	Xã Thạnh Lộc	X	X					X	X	X			X		X		X		X	X	10	
55	Xã Giục Tượng	X	X		X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X		X	X	15	
56	Xã Vĩnh Hòa Hiệp	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X		X		X	X	15	
57	Xã Vĩnh Hòa Phú	X	X	X				X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	14	

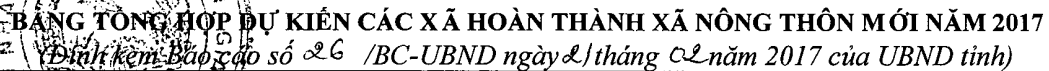
Stt	Địa phương/Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	Chợ	BĐ	Nhà ở	TN	HN	LĐ	TC SX	GD	YT	VH	MT	HT CT	AN TT		
58	Xã Bình An	X	X	X	X				X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	14	
59	Xã Minh Hòa	X	X		X				X	X			X	X	X	X	X		X	X	12	
X	Huyện Giồng Riềng (18)																					
60	Xã Hòa Hưng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
61	Xã Ngọc Chúc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
62	Xã Thạnh Hưng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
63	Xã Long Thạnh	X		X	X	X		X	X		X		X	X	X		X		X		12	
64	Xã Hòa Lợi	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
65	Xã Hòa An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
66	Xã Hòa Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đang xét
67	Xã Ngọc Hòa	X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	X		X		X		13	
68	Xã Ngọc Thành	X	X		X		X	X	X				X	X	X	X	X			X	12	
69	Xã Ngọc Thuận	X	X	X	X			X	X		X		X	X	X		X		X		12	
70	Xã Thạnh Lộc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
71	Xã Thạnh Phước	X	X		X			X	X		X		X	X	X		X		X	X	12	
72	Xã Vĩnh Phú	X	X		X		X	X	X					X	X	X	X			X	11	
73	Xã Vĩnh Thạnh	X	X		X			X	X	X			X	X	X		X				10	
74	Xã Bàn Tân Định	X	X		X			X	X		X		X	X	X		X	X		X	12	
75	Xã Bàn Thạch	X	X		X			X	X				X	X	X	X	X		X	X	12	
76	Xã Thạnh Hòa	X	X	X	X		X	X		X	X		X	X	X		X		X	X	14	
77	Xã Thạnh Bình	X	X	X	X				X		X		X	X	X	X	X		X	X	13	
XI	Huyện Gò Quao (10)																					
78	Xã Định An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
79	Xã Định Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
80	Xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X			16	
81	Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
82	Xã Thủy Liễu	X		X	X		X	X	X		X		X	X	X	X	X			X	13	
83	Xã Thới Quán	X		X	X		X		X		X		X	X	X	X	X			X	12	
84	Xã Vĩnh Phước A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đang xét
85	Xã Vĩnh Phước B	X		X	X		X		X		X		X	X	X	X	X			X	12	
86	Xã Vĩnh Thắng	X	X	X	X			X	X		X		X	X	X	X	X	X		X	14	
87	Xã Vĩnh Tuy	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đang xét
XII	Huyện U Minh Thượng (6)																					
88	Xã Thạnh Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
89	Xã Vĩnh Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
90	Xã Thạnh Yên A	X	X						X				X	X	X	X	X			X	9	

Stt	Địa phương/Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	Chợ	BĐ	Nhà ở	TN	HN	LĐ	TC SX	GD	YT	VH	MT	HT CT	AN TT		
91	Xã Hòa Chánh	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	X		X	X	16		
92	Xã Minh Thuận	X						X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	11		
93	Xã An Minh Bắc	X		X					X		X		X	X	X	X	X			X	10	
XIII	Huyện An Minh (10)																					
94	Xã Đông Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X		X	X		X	16	
95	Xã Vân Khánh	X		X	X	X			X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	15	
96	Xã Vân Khánh Đông	X		X				X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	12	
97	Xã Đông Hưng A	X		X				X	X	X	X		X	X	X	X	X			X	12	
98	Xã Thuận Hòa	X		X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	15	
99	Xã Tân Thạnh	X		X				X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	13	
100	Xã Vân Khánh Tây	X		X	X			X	X		X		X	X	X			X	X	X	12	
101	Xã Đông Hưng	X		X				X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	12	
102	Xã Đông Hưng B	X		X				X	X	X	X		X	X	X	X			X	X	12	
103	Xã Đông Thạnh	X		X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X			13	
XIV	Huyện Vĩnh Thuận (7)																					
104	Xã Vĩnh Bình Bắc	X	X	X		X	X	X	X			X	X		X	X	X		X	X	14	
105	Xã Vĩnh Phong	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
106	Xã Vĩnh Bình Nam	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X		X	X	X		X	X	15	
107	Xã Tân Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đang xét
108	Xã Vĩnh Thuận	X	X	X	X	X		X	X		X		X		X	X	X			X	13	
109	Xã Bình Minh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	17	
110	Xã Phong Đông	X	X	X	X	X		X	X		X		X		X	X	X		X	X	14	
XV	Huyện An Biên (8)																					
111	Xã Đông Yên	X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	16	
112	Xã Tây Yên A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
113	Xã Hưng Yên	X		X	X			X	X		X			X	X		X				9	
114	Xã Tây Yên	X			X			X	X		X		X		X		X		X	X	10	
115	Xã Đông Thái	X			X			X	X		X		X	X	X		X				9	
116	Xã Nam Yên	X		X	X			X	X				X	X	X	X	X			X	11	
117	Xã Nam Thái	X			X			X	X				X		X	X	X		X	X	10	
118	Xã Nam Thái A	X			X			X	X				X				X				6	
	TỔNG CỘNG	118	83	100	102	65	55	90	116	75	105	58	116	105	111	86	107	48	87	101	1.728	
	Tỷ lệ đạt %	100	70	85	86	55	47	76	98	64	89	49	98	89	94	73	91	41	74	86		
	Bình quân số tiêu chí đạt /xã																				14,64	

[illegible]

26	Xã Vĩnh Phong	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận 2015	Số 187/QĐ-UBND ngày 20/01/2016
XI	Huyện An Biên (1)																						
27	Xã Tây Yên A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận 2015	Số 187/QĐ-UBND ngày 20/01/2016
XII	Huyện Phú Quốc (1)																						
28	Xã Cửa Cạn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận 2016	Số 187/QĐ-UBND ngày 20/01/2016

Tổng cộng:	28	xã
Năm 2014:	2	xã
Năm 2015:	16	xã
Năm 2016:	10	xã
Năm 2017:	0	xã

[illegible]

Stt	Địa phương/Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CSV CVH	Chợ	BĐ	Nhà ở	TN	HN	LĐ	TC SX	GD	YT	VH	MT	HT CT	AN TT		
21	Xã Tân Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đang xét
22	Xã Vĩnh Thuận	X	X	X	X	X		X	X		X		X		X	X	X			X	13	
23	Xã Bình Minh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X	17	
XV	Huyện An Biên (2)																					
24	Xã Đông Yên	X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	16	
25	Xã Hưng Yên	X		X	X			X	X		X			X	X		X				9	